

Giảm tỷ trọng

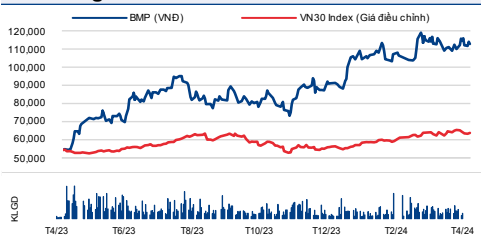
Giá mục tiêu: VNĐ102,200

Tiềm năng tăng/giảm: -9.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (10/4/2024)	112,800
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	54,371-119,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	112,833
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,234
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	370
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	12.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	85.3%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	5,157	5,131	5,388
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,506	1,413	1,281
LNTT (tỷ đồng)	1,307	1,205	1,044
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,041	958	830
FCF (tỷ đồng)	1,545	663	791
EPS ĐC (đồng)	12,717	11,703	10,137
DPS (đồng)	12,650	11,500	10,000
BVPS (đồng)	32,857	32,910	31,547
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	(6.12)	(9.38)
T.trưởng EPS ĐC (%)	49.9	(7.97)	(13.4)
Tăng trưởng DPS (%)	50.6	(9.09)	(13.0)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.2	27.5	23.8
Tỷ suất LNTT (%)	25.3	23.5	19.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	20.2	18.7	15.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.5	98.3	98.7
Nợ thuần/VCSH (%)	(26.5)	(18.7)	(16.6)
ROAE (%)	39.2	35.6	31.5
ROACE (%)	49.8	45.4	41.2
EV/doanh thu (lần)	1.41	1.46	1.40
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.83	5.31	5.91
P/E ĐC (lần)	8.87	9.64	11.1
P/B (lần)	3.43	3.43	3.58
Lợi suất cổ tức (%)	11.2	10.2	8.87

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tài liệu ĐHCĐ: Kế hoạch lợi nhuận đi ngang, cao hơn dự báo 8%

- BMP đã công bố các tài liệu cho ĐHCĐ năm 2024. Công ty đã đề ra KHKD cho năm 2024 với lợi nhuận thuần đạt 1.030 tỷ đồng, giảm 1,1%, trên doanh thu thuần 5.540 tỷ đồng (tăng trưởng 7,4%).
- KHKD này, cao hơn dự báo của HSC 8%, được đánh giá sẽ gặp nhiều thách thức. Chúng tôi nhận thấy nhu cầu thị trường còn yếu – đặc biệt trong Q1/2024 với lợi nhuận thuần dự báo giảm 38% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước – cùng với đó là việc Công ty đánh mất thị phần.
- BMP đề xuất chi trả cổ tức tiền mặt 12.600đ/cp cho năm 2023, sát với dự báo của HSC. Năm ngoái Công ty đã tạm ứng 6.500đ/cp và phần còn lại sẽ được chi trả sau ĐHCĐ. Tại thị giá hiện tại, chúng tôi ước tính lợi suất cổ tức ở mức 10,2%.
- HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng đối với BMP, với rủi ro giảm giá 9% tại giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ

BMP sẽ tổ chức ĐHCĐ vào ngày 29/4/2024. Nội dung tài liệu ĐHCĐ bao gồm các tờ trình về KHKD cho năm 2024, phương án chi trả cổ tức tiền mặt cho năm 2023-2024 và bầu thành viên HĐQT mới thay thế một thành viên vừa từ nhiệm. Chi tiết như sau:

Mục tiêu lợi nhuận năm 2024 đầy thách thức

BMP đề ra KHKD đầy tham vọng cho năm 2024, với những nội dung cụ thể sau:

- Doanh thu thuần tăng trưởng 7,4% đạt 5.540 tỷ đồng.** HSC cho rằng động lực chính thúc đẩy mục tiêu doanh thu này là mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ đạt khoảng 93.000 tấn. HSC đánh giá mục tiêu này (cao hơn 8% so với dự báo của chúng tôi ở mức 5.131 tỷ đồng, không đổi so với năm ngoái do khả năng cao KQKD Q1/2024 sẽ yếu kém) có vẻ khá thách thức. Sự khác biệt trong giả định sản lượng tiêu thụ (HSC dự báo sản lượng tiêu thụ không thay đổi) dẫn đến sự chênh lệch về dự báo doanh thu.
- HSC dự báo sản lượng tiêu thụ Q1/2024 giảm mạnh 34% so với cùng kỳ và 35% so với quý trước xuống 16.010 tấn, chủ yếu là do mất thị phần và do so với mức nền cao (tham khảo báo cáo [‘Ước tính KQKD Q1/2024 kém tích cực do nhu cầu giảm’](#), HSC phát hành ngày 12/4/2024). Nếu BMP đạt được kết quả mà chúng tôi ước tính cho Q1, Công ty mới chỉ hoàn thành được 17,2% kế hoạch đề ra cho cả năm 2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 11/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch năm 2024 & dự báo của HSC, BMP

BMP đặt kế hoạch khá thách thức cho năm 2024, cao hơn 8% so với ước tính của HSC

Tỷ đồng	2023	Kế hoạch 2024	Tăng trưởng	2024 HSC dự báo	Chênh lệch	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	5,157	5,540	7.4%	5,131	8.0%	-0.5%
LNTT	1,307	1,290	-1.3%	1,205	7.0%	-7.8%
Lợi nhuận thuần	1,041	1,030	-1.1%	958	7.5%	-8.0%

Nguồn: BMP, HSC

- **BMP đặt mục tiêu lợi nhuận thuần đạt 1.030 tỷ đồng, giảm 1,1%.** Mục tiêu này cao hơn 7,5% so với dự báo của chúng tôi là 958 tỷ đồng (giảm 8%), chủ yếu do chênh lệch doanh thu. Chúng tôi cũng dự báo lợi nhuận thuần Q1/2024 chỉ ở mức 175 tỷ đồng, giảm 38% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước do sản lượng tiêu thụ giảm. Nếu lợi nhuận thuần thực hiện của BMP sát với dự báo, Công ty cũng mới chỉ đạt 17% kế hoạch đề ra cho năm 2024.

Đề xuất chi trả cổ tức tiền mặt cho năm 2023-2024

Cho năm 2023, BMP đề xuất chi trả cổ tức tiền mặt 12.600đ/cp, sát với dự báo của chúng tôi ở mức 12.650đ/cp, tương đương tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức là 99%. Năm ngoái công ty đã tạm ứng 6.500đ/cp và phần còn lại 6.100đ/cp sẽ được chi trả sau ĐHCĐ, có thể diễn ra trong tháng 5 hoặc tháng 6.

Cho năm 2024, BMP cũng đề xuất chi trả cổ tức với tỷ lệ lợi nhuận chi trả tối thiểu 50%. Dựa trên mục tiêu lợi nhuận thuần năm 2024, cổ tức tiền mặt tối thiểu cho năm 2024 sẽ ở mức 6.288đ/cp.

Tuy nhiên, HSC tin rằng BMP sẽ duy trì tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức ở mức 97-99% như đã thực hiện trong 5 năm qua. Trên cơ sở này, chúng tôi giả định cổ tức bằng tiền mặt sẽ ở mức 11.500đ/cp và dự báo lợi suất cổ tức trong 12 tháng tới (cổ tức bằng tiền mặt lần 2 của năm 2023 và cổ tức lần đầu của năm 2024) sẽ ở mức 10,2%.

Những đề xuất khác

Trong ĐHCĐ sắp tới, BMP sẽ bầu 1 thành viên HĐQT mới thay thế thành viên vừa từ nhiệm. Ông Poramate Larnroongroj, đại diện công ty Nawa Plastic (nắm giữ 55% cổ phần BMP) từ nhiệm để nghỉ hưu. Dự kiến, một đại diện mới của Nawa Plastic sẽ được bầu tại ĐHCĐ sắp tới. Sự thay đổi này không ảnh hưởng đến công tác quản lý và kinh doanh của BMP.

Duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10 lần, cao hơn bình quân 7 năm là 9,5 lần. Với triển vọng đầy thách thức trong giai đoạn 2024-2026, lợi nhuận thuần của Công ty dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR trong 3 năm là -9%. HSC cho rằng giá cổ phiếu BMP đang đắt hơn giá trị hợp lý.

BMP là một công ty tốt với vị thế hàng đầu trong ngành ống nhựa, bảng CĐKT vững chắc và mức lợi suất cổ tức hấp dẫn từ 8,9% đến 10,2% trong 3 năm tới. Tuy nhiên, với nguy cơ mất một trong những nhà phân phối lớn nhất, chúng tôi nhận thấy rủi ro sụt giảm lớn hơn về thị phần và sản lượng tiêu thụ trong dài hạn nếu Công ty không thay đổi chiến lược giá bán cao. HSC duy trì dự báo lợi nhuận năm 2024, với doanh thu thuần đạt 5.131 tỷ đồng (đi ngang) và lợi nhuận thuần đạt 958 tỷ đồng (giảm 8%).

HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng đối với BMP và giữ nguyên giá mục tiêu ở mức 102.200đ/cp (rủi ro giảm giá 9,4%). Khả năng cổ phiếu này sẽ được thêm vào giỏ chỉ số VNDiamond trong đợt tái cơ cấu danh mục sắp tới sẽ mang lại động lực tăng trưởng trong ngắn hạn. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, bất kỳ đợt tăng giá cổ phiếu nào cũng sẽ là cơ hội tốt để NĐT giảm tỷ trọng.

Bảng 2: Ước tính KQKD Q1/2024, BMP

HSC ước tính KQKD Q1/2024 sẽ kém khả quan với lợi nhuận thuần giảm 38% so với cùng kỳ & giảm 32% so với quý trước, chỉ đạt 175 tỷ đồng do nhu cầu yếu

	Q1/2023	Q4/2023	Q1/2024	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	2023	2024F	Tăng trưởng
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	24,209	24,521	16,010	-33.9%	-34.7%	86,947	86,947	0.0%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	59.9	59.8	59.6	-0.4%	-0.3%	59.3	59.4	0.2%
Doanh thu (tỷ đồng)	1,440	1,454	955	-33.7%	-34.4%	5,157	5,131	-0.5%
Lợi nhuận thuần sau thuế (tỷ đồng)	281	257	175	-37.7%	-31.9%	1,041	958	-8.0%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	19.5%	17.7%	18.3%			20.2%	18.7%	

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	5,808	5,157	5,131	5,388	5,714
Lợi nhuận gộp	1,608	2,116	2,063	1,941	1,910
Chi phí BH&QL	(632)	(783)	(831)	(846)	(868)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	975	1,333	1,232	1,095	1,042
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(29.9)	(54.4)	(66.9)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.94)	(2.13)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	3.26	3.12	3.11	3.26	3.46
LNTT	871	1,307	1,205	1,044	978
Chi phí thuế TNDN	(177)	(266)	(247)	(214)	(201)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	694	1,041	958	830	778
Lợi nhuận thuần ĐC	694	1,041	958	830	778
EBITDA ĐC	1,146	1,506	1,413	1,281	1,235
EPS (đồng)	8,481	12,717	11,703	10,137	9,499
EPS ĐC (đồng)	8,481	12,717	11,703	10,137	9,499
DPS (đồng)	8,400	12,650	11,500	10,000	9,400
Slg CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	359	821	610	540	527
Đầu tư ngắn hạn	965	1,190	1,180	1,185	1,143
Phải thu khách hàng	279	174	328	348	372
Hàng tồn kho	577	364	513	539	571
Các tài sản ngắn hạn khác	36.0	44.2	44.0	46.2	49.0
Tổng tài sản ngắn hạn	2,215	2,594	2,676	2,659	2,662
TSCĐ hữu hình	386	292	154	77.0	43.9
TSCĐ vô hình	7.20	5.91	7.01	7.65	8.78
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	64.4	62.3	62.3	62.3	62.3
Tài sản dài hạn khác	370	299	359	377	400
Tổng tài sản dài hạn	830	661	584	526	517
Tổng cộng tài sản	3,045	3,255	3,260	3,185	3,179
Nợ ngắn hạn	55.2	55.2	54.9	56.6	57.1
Phải trả người bán	91.4	154	156	179	198
Nợ ngắn hạn khác	188	202	201	211	223
Tổng nợ ngắn hạn	403	546	547	583	618
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	423	565	566	603	637
Vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,694	2,582	2,541
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,694	2,582	2,541
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,045	3,255	3,260	3,185	3,179
BVPS (đ)	32,021	32,857	32,910	31,547	31,046
Nợ thuần/(tiền mặt)	(303)	(766)	(555)	(484)	(470)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	975	1,333	1,232	1,095	1,042
Khấu hao	(170)	(172)	(182)	(186)	(193)
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(29.9)	(54.4)	(66.9)
Thuế TNDN đã nộp	(131)	(147)	(247)	(214)	(201)
Thay đổi vốn lưu động	(59.9)	461	(292)	(18.0)	17.8
Khác	121	54.0	67.5	89.2	99.8
LCT thuần từ HKKD	799	1,623	733	901	895
Đầu tư TS dài hạn	(70.0)	(77.7)	(69.9)	(110)	(161)
Góp vốn & đầu tư	(922)	(1,715)	(9.82)	5.13	(42.6)
Thanh lý	797	-	(25.9)	(24.2)	18.6
Khác	50.0	106	115	97.8	94.5
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	-	9.58	(31.3)	(90.7)
Cổ tức trả cho CSH	(467)	(966)	(954)	(941)	(819)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(2.11)	0.01	(0.27)	1.67	0.57
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(469)	(966)	(954)	(940)	(818)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	173	359	821	610	540
LCT thuần trong kỳ	186	-	(211)	(69.9)	(13.5)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	0.01	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	359	-	610	540	527
Dòng tiền tự do	729	1,545	663	791	734

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.7	41.0	40.2	36.0	33.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.7	29.2	27.5	23.8	21.6
Tỷ suất LNT (%)	12.0	20.2	18.7	15.4	13.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.3	20.4	20.5	20.5	20.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.6	(11.2)	(0.50)	5.00	6.05
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	118	31.4	(6.12)	(9.38)	(3.60)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	224	49.9	(7.97)	(13.4)	(6.29)
Tăng trưởng EPS (%)	224	49.9	(7.97)	(13.4)	(6.29)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	224	49.9	(7.97)	(13.4)	(6.29)
Tăng trưởng DPS (%)	223	50.6	(9.09)	(13.0)	(6.00)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.0	99.5	98.3	98.7	99.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.3	39.2	35.6	31.5	30.4
ROACE (%)	39.4	49.8	45.4	41.2	40.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.97	1.64	1.58	1.67	1.80
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.82	1.22	0.60	0.82	0.86
Số ngày tồn kho	50.1	43.7	61.0	57.1	54.8
Số ngày phải thu	24.2	20.9	39.1	36.9	35.7
Số ngày phải trả	7.94	18.5	18.6	19.0	19.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(11.4)	(26.5)	(18.7)	(16.6)	(16.2)
Nợ/tài sản (%)	1.92	3.31	3.28	3.50	3.63
EBIT/lãi vay (lần)	9.53	49.3	41.2	20.1	15.6
Nợ/EBITDA (lần)	0.05	0.07	0.08	0.09	0.09
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.49	4.75	4.89	4.56	4.31
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.37	1.41	1.46	1.40	1.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.95	4.83	5.31	5.91	6.17
P/E (lần)	13.3	8.87	9.64	11.1	11.9
P/E ĐC (lần)	13.3	8.87	9.64	11.1	11.9
P/B (lần)	3.52	3.43	3.43	3.58	3.63
Lợi suất cổ tức (%)	7.45	11.2	10.2	8.87	8.33

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn